TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2021
Vv "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về chia tài sản chung và tranh chấp về trả nợ chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Duy Minh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Nguyễn Vĩnh Mậu**;

2. **Bà Phạm Thị Tuyết Mai**.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Duy Linh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Quang** - Kiểm sát Vên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2021, về Vệc:*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về chia tài sản chung và tranh chấp về trả nợ chung khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn LN, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Trần Đình T, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn LN, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Trần Thị Thu H, sinh năm 1964 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: 47 T, phường Bình Định, thị xã AN, tỉnh Bình Định.

- Trần Thị MH, sinh năm 1972 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn TĐ, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Trần Thị MD, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 30, khu vực 6, phường H, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

- Vợ chồng bà Lê Thị N, sinh năm 1950 - ông Trần Đình K, sinh năm 1947 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn LN, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Nguyễn Hồng S, sinh năm 1978 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 16, thôn PĐ, xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2020, các lời Ki có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đình T qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 7 năm 2002 tại UBND xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn, anh T làm nghề thợ mộc, thường xuyên ăn nhậu về chửi mắn đánh đập chị. Vì thương con còn nhỏ nên chị cố gắng chịu đựng. Tuy nhiên mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra. Vì kinh tế gia đình khó khăn nên vào tháng 4 năm 2020 chị và anh T thống nhất thuê đất mở bán quán ăn uống, nhưng sau khi mở quán thì anh T nhiều lần đến chửi mắn rồi đập phá đồ đạc. Nay chị và anh T không còn tình cảm với nhau nữa và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đình T.

- Về con chung: Chị và anh Trần Đình T có hai con chung tên Trần Nhật V, sinh ngày 08 tháng 10 năm1999 và Trần H K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2007. Cháu V đã đủ 18 tuổi (đang học đại học), còn cháu K năm nay học lớp 9 tại Trường trung học cơ sở PQ, hiện đang ở với anh T. Vì cháu K đang học, còn chị thuê nhà mở bán quán ảnh hưởng đến Vệc học của con nên chị giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị và anh Trần Đình T có một ngôi nhà tại thôn LN, xã PQ. Khi làm đơn khởi kiện ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết chia ngôi nhà nói trên vì chị để lại sau này cho con. Khi chị và anh T thống nhất thuê đất mở quán thì chị đã mượn tiền, vàng để thuê đất của anh Nguyễn H S, che nhà bằng tole mở quán bán ăn uống tại thôn Luật Bình, xã PQ.

Tuy nhiên, sau khi Tòa thụ lý vụ án thì anh T làm đơn yêu cầu chia tài sản là ngôi nhà bằng tole nói trên và các tài sản mà chị đã mua sắm để mở quán như Biên bản định giá tài sản ngày 08 tháng 7 năm 2021. Chị không đồng ý yêu cầu chia tài sản của anh T vì các tài sản này do chị tự đi mượn tiền, vàng để thuê đất, cất nhà tole và mua sắm tài sản để bán quán ăn uống. Nếu Tòa chia tài sản trên thì chị yêu cầu anh T phải cùng chị có trách nhiệm trả các khoản nợ mà chị đã mượn để xây cất mở bán quán ăn uống, cụ thể:

+ Mượn của vợ cH bà Lê Thị Nông Trần Đình K (cha mẹ anh T)2,5 chỉ vàng y.

+ Mượn của chị Trần Thị Thu H 35.000.000 đồng.

+ Mượn của chị Trần Thị MH 03 chỉ vàng y.

+ Mượn của chị Trần Thị MD 10.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Khi chị ra thuê đất và xây cất mở bán quán ăn uống, vì không có vốn nên chị đã mượn của những người như chị đã trình bày trên.

Hiện nay các khoản nợ trên vẫn chưa trả đồng nào. Sau khi mở quán bán được vài ngày thì anh T thường xuyên đến chửi la và đấp phá tài sản, không cho chị bán. Mặc khác từ năm 2020 đến nay do dịch bệnh CoVd 19 nên chị đã không bán quán nữa.

Nếu Tòa chia tài sản chung theo yêu cầu của anh T thì chị yêu cầu anh T phải cùng chị có trách nhiệm trả các khoản nợ nêu trên.

Chị yêu cầu được nhận các tài sản mà anh T yêu cầu chia và chị đồng ý một mình chị trả các khoản nợ như chị đã trình bày trên.

Ngoài các khoản nợ trên thì chị và anh T không có khoản nợ chung nào khác.

* Theo các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Đình T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 7 năm 2002 tại UBND xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tháng 4 năm 2020, anh và chị T thống nhất thuê đất mở quán bán ăn uống, sau khi mở quán anh có đến chửi mắn rồi đập phá đồ đạc. Nay anh và chị H không còn tình cảm với nhau nữa và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn chị Trần Thị H.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị H có hai con chung tên Trần Nhật V, sinh ngày 08 tháng 10 năm1999 và Trần H K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2007. Cháu V đã đủ 18 tuổi (đang học đại học), còn cháu K năm nay học lớp 9 tại Trường trung học cơ sở PQ, hiện đang ở với anh. Anh yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia tài sản chung của anh và chị H và thống nhất giá trị các tài sản như Biên bản định giá ngày 08 tháng 7 năm 2021. Tài sản chung này có được là do tiền của anh và chị H bỏ ra xây cất và mua sắm, trong đó tiền của anh và chị H có sẵn là 55.000.000 đồng và rút tiền bảo hiểm 30.000.000 đồng, tổng cộng là 85.000.000 đồng. Trước khi mở quán bán ăn uống thì anh và chị H có bàn bạc và thống nhất thuê đất và xây cất mở quán, còn Vệc thuê đất của ai và chi phí xây cất, mua sắm tài sản mở quán bao nhiêu thì anh không biết vì anh không tham gia vào Vệc này mà chỉ một mình chị H lo liệu. Khi mở quán bán thì anh có đến phụ giúp chị H được vài ngày thì sau đó anh và chị H xảy ra mâu thuẫn rồi anh có đập phá đồ đạc nên anh không đến nữa.

- Về nợ chung: Trong các khoản nợ mà chị H khai, trước đây anh chỉ thừa nhận anh và chị H có nợ của cha mẹ anh là bà Lê Thị Nông Trần Đình K2,5 chỉ vàng y, mượn để xây cất mở quán bán ăn uống trên đất thuê tại thôn Luật Bình, xã PQ, huyện TP. Nhưng tại phiên Tòa hôm nay anh không thừa nhận khoản nợ này, đây là nợ riêng của chị H nên anh không đồng ý trả khoản nợ này. Còn các khoản nợ khác như chị H Ki là nợ riêng của chị H, anh không thừa nhận và không đồng ý trả các khoản nợ này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu H vắng mặt. Theo Bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2021 chị H trình bày:

Chị là chị dâu Trần Thị H. Vào ngày 02 tháng 02 năm 2020, chị Trần Thị H có hỏi chị mượn tiền để xây cất mở bán quán ăn uống ở xã PQ, nên chị có đưa chị Trần Thị H mượn số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Thời gian mượn từ ngày 02 tháng 02 năm 2020 đến ngày 02 tháng 02 năm 2021, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Chị H có Vết giấy mượn tiền và ký tên, chỉ một mình chị H đến mượn tiền, không có cH chị H đi cùng chị H.

Nay vợ chồng chị H anh T ly hôn, chị yêu cầu vợ chồng chị H anh T phải trả cho chị số tiền 35.000.000 đồng. Chị không yêu cầu tính lãi suất.

Chồng chị tên Trần Văn Dũng. Số tiền chị cho chị H mượn là tài sản riêng của chị chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng chị, nên không có liên quan gì đến chồng chị.

Ngoài ra chị không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị MH vắng mặt. Theo Bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2021 chị MH trình bày:

Chị là chị ruột Trần Thị H. Vào ngày 20 tháng 02 năm 2020, chị Trần Thị H có hỏi chị mượn tiền để xây cất mở bán quán ăn uống ở xã PQ, nên chị có đưa chị H mượn 03 (ba) chỉ vàng y 97%. Chị H có Vết giấy mượn vàng và ký tên, chỉ một mình chị H đến mượn vàng, không có chồng chị H đi cùng chị H.

Nay vợ chồng chị H ông T ly hôn, chị yêu cầu vợ chồng chị H anh T phải trả cho chị 03 (ba) chỉ vàng y 97%. Chị không yêu cầu tính lãi suất.

Chồng chị tên Nguyễn Thành Sĩ. Số tiền chị cho chị H mượn là tài sản riêng của chị chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng chị, nên không có liên quan gì đến chồng chị.

Ngoài ra chị không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị MD vắng mặt. Theo Bản tự khai ngày 08 tháng 6 năm 2021 chị MD trình bày:

Chị là chị ruột Trần Thị H. Vào ngày 10 tháng 02 năm 2020, chị Trần Thị H có hỏi tôi mượn tiền để xây cất mở bán quán ăn uống ở xã PQ, nên chị có đưa chị H mượn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Chị H có Vết giấy mượn tiền và ký tên, chỉ một mình chị H đến mượn tiền, không có chồng chị H đi cùng chị H.

Nay vợ chồng chị H anh T ly hôn, chị yêu cầu vợ chồng chị H anh T phải trả cho chị 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Chị không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra chị không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N vắng mặt. Theo Biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2021 bà N trình bày:

Bà là mẹ ruột Trần Đình T, là mẹ chồng Trần Thị H. Vào tháng 4 năm 2020 âm lịch, Trần Thị H có mượn của vợ chồng bà 2,5 chỉ vàng y (loại vàng nhẫn), chị H nói mượn để mua sắm đồ mở bán quán ăn uống. Chị H có thuê đất ở thôn Luật Bình, xã PQ rồi xây cất quán bán đồ ăn uống. Vợ chồng bà đưa cho chị H 2,5 chỉ vàng y, là

tài sản chung của vợ chồng bà, lúc cho mượn vàng thì chỉ có một mình chị H mượn, còn anh T không biết, vì mẹ con nên không có Vết giấy tờ mượn vàng. Sau đó thì bà có nói cho anh T biết Vệc chị H mượn vàng để mua sắm đồ mở quán.

Nay vợ chồng H - T ly hôn, bà yêu cầu chị H phải trả cho vợ cH bà 2,5 chỉ vàng y. Bà chỉ yêu cầu một mình chị H trả vì khi mượn vàng thì chỉ một mình chị H mượn, anh T không có mượn.

Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình K vắng mặt. Theo Bản tự Ki ngày 15 tháng 4 năm 2021 ông K trình bày:

Ông là cha ruột Trần Đình T, là cha chồng Trần Thị H. Vào tháng 4 năm 2020 âm lịch, Trần Thị H có mượn của vợ chồng ông 2,5 chỉ vàng y (loại vàng nhẫn), H nói mượn để mua sắm đồ mở bán quán ăn uống. H có thuê đất ở thôn Luật Bình, xã PQ rồi xây cất quán bán đồ ăn uống. Vợ chồng ông đưa cho chị H 2,5 chỉ vàng y, là tài sản chung của vợ chồng ông, lúc cho mượn vàng thì chỉ có một mình chị H mượn, còn anh T không biết, vì cha con nên không có Vết giấy tờ mượn vàng. Sau đó thì ông có nói cho anh T biết Vệc chị H mượn vàng để mua sắm đồ mở quán.

Nay vợ chồng H- T ly hôn, ông yêu cầu chị H phải trả cho vợ chồng ông 2,5 chỉ vàng y. Ông chỉ yêu cầu một mình chị H trả vì khi mượn vàng thì chỉ một mình chị H mượn, anh T không có mượn.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn H Svắng mặt. Theo Biên bản ghi lời khai ngày 01 tháng 7 năm 2021 anh S trình bày:

Vào ngày 01 tháng 4 năm 2020, anh và chị Trần Thị H, ở thôn LN, xã PQ, huyện TP có thỏa thuận ký "Hợp đồng cho thuê mặt bằng". Anh là bên chủ đất (bên A, bên cho thuê đất), chị H là bên thuê mặt bằng (bên B, bên thuê đất). Theo Hợp đồng thì anh cho chị H thuê thửa đất trống của anh tại thôn Luật Bình, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định (thửa đất của anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), với mục đích chị H mở quán bán ăn uống. Giá tiền thuê mặt bằng mỗi năm là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), thời hạn thuê 05 năm. Bên B là chị H tự bỏ tiền ra xây cất quán, nhà vệ sinh, che chắn mặt bằng, bắt điện nước để kinh doanh mua bán.

Nay vợ chồng chị H ly hôn, có tranh chấp về tài sản mà chị Hđã xây cất trên thửa đất của anh để mở quán bán ăn uống, anh yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không trình bày gì thêm và không có yêu cầu nào khác.

* Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về Vệc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanđã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Đình T.

+ Về con chung: Giao cháu Trần H K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2007, hiện đang ở với anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

+ Về tài sản chung:

Giao ngôi nhà bằng tole diện tích 54,075m^2 (N12), mái hiên diện tích 24,15m^2, trị giá 64.115.550 đồng, được xây cất trên thửa đất số 155, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn Luật Bình, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ cH anh Nguyễn H S chị Huỳnh Thị Thanh N số CH03809, ngày 28 tháng 6 năm 2011 cho chị Trần Thị H sở hữu.

Giao các tài sản khác gồm có: 29 cái ghế tựa bằng nhựa trị giá 1.740.000 đồng, 10 cái nghế nhựa trị giá 360.000 đồng, 6 cái bàn khung sắt mặt đá granic trị giá 1.200.000 đồng, 1 cái tủ đông hiệu SANAKY trị giá 3.200.000 đồng, 01 bếp ga+02 bình ga trị giá 700.000 đồng, 01 quạt điện hiệu SENKO trị giá 360.000 đồng, 1 kệ để chén bằng INOX trị giá 300.000 đồng, 50 cái chén, tô, đĩa trị giá 420.000 đồng cho chị Trần Thị H sở hữu.

- Về nợ: Buộc chị Trần Thị H phải trả các khoản nợ sau:
+ Trả cho chị Trần Thị Thu H 35.000.000 đồng.
+ Trả cho chị Trần Thị MH 03 chỉ vàng y.
+ Trả cho chị Trần Thị MD 10.000.000 đồng.
+ Trả cho vợ cH ông Trần Đình K bà Lê Thị N 2,5 chỉ vàng y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Trần Đình T cư trú tại thôn LN, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị Thu H, chị Trần Thị MH, chị Trần Thị MD, vợ cH bà Lê Thị N ông Trần Đình K, anh Nguyễn H S vắng mặt nhưng đã có lời Kivà có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Chị Trần Thị Hvà anh Trần Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 7 năm 2002 tại UBND xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Địnhnên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Do đó áp dụng các Điều 51, 55Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Hvà anh T.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Đình Tcó hai con chung tên Trần Nhật V, sinh ngày 08 tháng 10 năm1999 và Trần H K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2007. Cháu V đã đủ 18 tuổi; chị H và anh T thống nhất giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu K muốn ở với anh T nên giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung:

- Xét yêu cầu của anh Trần Đình T yêu cầu chia tài sản chung như Biên bản định giá tài sản ngày 08 tháng 7 năm 2021, gồm có: ngôi nhà bằng tole diện tích 54,075m^2 (N12) và mái hiên diện tích 24,15m^2, trịgiá 64.115.550 đồng; các tài sản: 29 cái ghế tựa bằng nhựa trị giá 1.740.000 đồng, 10 cái nghế nhựa trị giá 360.000 đồng, 6 cái bàn khung sắt mặt đá granic trị giá 1.200.000 đồng, 1 cái tủ đông hiệu SANAKY trị giá 3.200.000 đồng, 01 bếp ga+02 bình ga trị giá 700.000 đồng, 01 quạt điện hiệu SENKO trị giá 360.000 đồng, 1 kệ để chén bằng INOX trị giá 300.000 đồng, 50 cái chén, tô, đĩa trị giá 420.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời Ki của anh T thìtài sản chung này có được là từ tiền chung của anh và chị H bỏ ra, trong đó tiền của anh và chị H có sẵn là 55.000.000 đồng và rút tiền bảo hiểm 30.000.000 đồng, tổng cộng là 85.000.000 đồng. Trước khi mở quán bán ăn uống thì anh và chị H có bàn bạc và thống nhất thuê đất và xây cất mở quán, còn Vệc thuê đất của ai và chi phí xây cất, mua sắm tài sản mở quán bao nhiêu thì anh không biết vì anh không tham gia vào Vệc này mà chỉ một mình chị H lo liệu. Còn theo lời Ki của chị H thì tài sản trên có được không phải là số tiền 85.000.000 đồng như anh T Ki mà là do chị mượn tiền, vàng của: vợ cH bà Lê Thị Nông Trần Đình K (cha mẹ anh T) 2,5 chỉ vàng y, chị Trần Thị Thu H 35.000.000 đồng, chị Trần Thị MH 03 chỉ vàng y, chị Trần Thị MD 10.000.000 đồng. Chị H thừa nhận có rút tiền bảo hiểm 30.000.000 đồng nhưng số tiền này chị đã mua máy V tính, nộp học phí cho con đang học đại học và lo các khoản chi phí cho con ăn học, chứ chị không có dùng số tiền này để đầu tư mở quán. Theo lời khai của con chị H và anh T là cháu Trần Nhật V tại Bản tự Ki ngày 01 tháng 4 năm 2021: "Về công Vệc, nghề nghiệp của ba tôi thì không ổn định, có lúc làm có lúc không, còn mẹ tôi thì phụ làm quán ăn của nhà dì tôi. Năm 2020, ba và mẹ tôi cùng đi rút tiền bảo hiểm của tôi với số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó tôi có xin mẹ tiền mua máy tính và mẹ tôi cùng tôi mua máy tính hiệu DELL trị giá 11.000.000 đồng. Số tiền còn lại mẹ tôi gửi cho tôi hàng tháng để ăn uống và tiền ở trọ. Cũng vào năm ngoái mẹ tôi có kể với tôi muốn mở quán ăn nên định thuê mặt bằng để mở. Lúc đó không có tiền nên mẹ tôi nói sẽ mượn người quen để làm rồi trả lại sau". Như vậy tài sản mà anh T yêu cầu chia là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của chị H và anh T và tài sản này được tạo ra từsố tiền do chị H mượn của những người như chị H đã trình bày trên, chứ không phải là số tiền 85.000.000 đồng như anh T trình bày.

[6] Về nợ chung:

- Xét yêu cầu của: chị Trần Thị Thu H yêu cầu chị H và anh T trả 35.000.000 đồng, chị Trần Thị MH yêu cầu chị H và anh T trả 03 chỉ vàng y, chị Trần Thị MD yêu cầu chị H và anh T trả 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh T không thừa nhận các khoản nợ này, nhưng số tiền, vàng này chị H mượn là để đầu tư mở quán (là tài sản chung như đã nhận định trên) là để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó đây là các khoản nợ chung nên buộc chị H và anh T cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ này.

- Xét yêu cầu của vợ chồng bà Lê Thị N ông Trần Đình K chỉ yêu cầu chị H trả 2,5 chỉ vàng y, không yêu cầu anh T trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T thừa nhận khoản nợ này là để đầu tư mở quán, vợ chồng ông K bà N đều thừa nhận chị H mượn vàng để đầu tư mở quán, nên đây là khoản nợ chung của chị H và anh T nên buộc chị H và anh T cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Do đó giao các tài sản trên cho chị H được quyền sở hữu và chị H phải có trách nhiệm trả các khoản nợ theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

Tổng giá trị tài sản chung giao cho chị H là 72.395.550 đồng, lấy tròn số là 72.396.000 đồng. Tổng số nợ chung giao chị H phải trả: 35.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 3 chỉ vàng y + 2 chỉ vàng y = 45.000.000 đồng và 5,5 chỉ. Tính giá vàng tại thời điểm hiện nay là 5.000.000 đồng/chỉ x 5,5 chỉ = 27.500.000 đồng. Tổng số nợ phải trả là 72.500.000 đồng. Như vậy số tiền chênh lệch là: 72.500.000 đồng (tổng số nợ chung phải trả) - 72.396.000 đồng (tổng giá trị tài sản chung) = 104.000 đồng. Tại phiên Tòa hôm nay chị H không yêu cầu gì đối với số tiền chênh lệch do số tiền trả nợ nhiều hơn giá trị tài sản được nhận.

[7] Về chi phí định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Trần Đình T đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng. Chị Trần Thị H và anh Trần Đình T mỗi người phải chịu ½, do đó chị Trần Thị H phải hoàn lại cho anh Trần Đình T 1.000.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 6 Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000983 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Về án phí chia tài sản chung và trả nợ chung: Tổng giá trị tài sản chung là 72.395.550 đồng ít hơn tổng số tiền phải trả nợ chung là 72.500.000 đồng. Tài sản chung được tạo ra từ các khoản nợ chung phải trả nên các đương sự chỉ phải chịu án phí đối với số tiền phải trả nợ là 72.500.000 đồng x 5% = 3.625.000 đồng. Tại phiên Tòa hôm nay chị H tự nguyện chịu án phí đối với các khoản nợ chung phải trả nên Hội đồng xét xử nghi nhận.

- Hoàn trả lại cho anh Trần Đình T 1.062.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005770 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Thu H 875.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005861 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị MH 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005860 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị MD 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005859 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 29, 30, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Thị H và anh Trần Đình T.

2. Giao con chung tên Trần H K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2007, hiện đang ở với anh Trần Đình T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng Vệc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến Vệc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như Vệc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Giao cho chị Trần Thị H được quyền sở hửu các tài sản:

- Ngôi nhà bằng tole diện tích 54,075m^2 (N12) và mái hiên diện tích 24,15m^2, trị giá 64.115.550 đồng, được xây cất trên thửa đất số 155, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại thôn Luật Bình, xã PQ, huyện TP, tỉnh Bình Định, đã được Ủy ban nhân dân huyện TP cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ cH anh Nguyễn H S chị Huỳnh Thị Thanh N số CH03809, ngày 28 tháng 6 năm 2011 (có sơ đồ kèm theo).

- Các tài sản khác gồm: 29 cái ghế tựa bằng nhựa trị giá 1.740.000 đồng, 10 cái nghế nhựa trị giá 360.000 đồng, 6 cái bàn khung sắt mặt đá granic trị giá 1.200.000 đồng, 1 cái tủ đông hiệu SANAKY trị giá 3.200.000 đồng, 01 bếp ga+02 bình ga trị giá 700.000 đồng, 01 quạt điện hiệu SENKO trị giá 360.000 đồng, 1 kệ để chén bằng INOX trị giá 300.000 đồng, 50 cái chén, tô, đĩa trị giá 420.000 đồng.

Các tài sản trên hiện do chị Trần Thị H quản lý sử dụng.

4. Buộc chị Trần Thị H phải trả các khoản nợ sau:

- Trả cho chị Trần Thị Thu H 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).
- Trả cho chị Trần Thị MH 3 (ba) chỉ vàng y 97%.
- Trả cho chị Trần Thị MD 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).
- Trả cho vợ cH ông Trần Đình K bà Lê Thị N 2,5 chỉ (hai chỉ năm phân) vàng y 97%.

5. Về chi phí định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Trần Đình T đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Chị Trần Thị H phải hoàn lại cho anh Trần Đình T 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

6.Về tiền án phí:

- Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000983 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Chị Trần Thị H phải chịu 3.625.000 đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả lại cho anh Trần Đình T 1.062.500 đồng (một triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005770 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Thu H 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005861 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị MH 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005860 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

- Hoàn trả lại cho chị Trần Thị MD 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005859 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòacó quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án,Quyết định được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TP;
- CC THADS H.TP;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã PQ, H. TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh

THÀNH VÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Mậu **Phạm Thị Tuyết Mai** **Võ Duy Minh**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TP;
- CC THADS H.TP;
- UBND xã Phước Lộc, H.TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh